TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 668/2023/DS-PT Ngày 21 - 9 - 2023 V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông H Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/9/2023 và 21/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1932/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1936. (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/. Bà Nguyễn Kim X, sinh năm 1942. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, Phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: Đường Ng, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Đỗ Đặng Hồng T, sinh năm 1987; Ông Vi Văn Th, sinh năm 1997. (có mặt)

Địa chỉ: Đường Số 10, Khu phố 3, phường T, thành phố Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã M1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Trọng K - Văn phòng Luật sư Võ Trọng K. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có yêu cầu độc lập). (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Đặng Hồng T, sinh năm 1987 và Ông Vi Văn Th, sinh năm 1997. Địa chỉ: Đường Số 10, Khu phố 3, phường T, Tp. Th, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp Ngh, xã Th, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang (có yêu cầu độc lập). (vắng mặt)

3/. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp L4, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có yêu cầu độc lập). (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tr, bà V: Ông Nguyễn Thanh Nh, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang

4/. Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1944. Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

5/. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

6/. Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

7/. Chị Nguyễn Thị Yến Ng1, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

8/. Anh Đỗ Nguyễn Nhật H, sinh ngày 12/8/2002. Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

9/. Đỗ Ngọc Tâm Nh1, sinh ngày 22/8/2008. Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Như (mẹ ruột): Chị Nguyễn Thị Yến Ng1, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

10/. Bà Đoàn Thanh Ph, sinh năm 1971. Địa chỉ ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

11/. Ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp L4, xã L5, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

12/. Phòng Công chứng số 01 tỉnh Tiền Giang; (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Hữu M – Trưởng Phòng. Địa chỉ: đường H, Phường 7, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

13/. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng H – Chủ tịch.

Địa chỉ: Quốc Lộ 50, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh Nh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị M trình bày:

Cha mẹ các nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn Đ (chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị Th (chết năm 2014). Hàng thừa kế thứ nhất của ông bà gồm có 06 người con: Bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Văn Nh1 (chết năm 1973, có 03 con là Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thanh Nh), bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn H. Lúc còn sống cha mẹ bà có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất gồm: Thửa 57, tờ bản đồ 10, diện tích 323m^2 đất thổ cư tại ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do ông Nguyễn Văn H quản lý sử dụng; Cụ Đ chết không có để lại di chúc, toàn bộ tài sản để lại do cụ Th và ông H quản lý và kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ Th chết, ông H có kêu các chị em về để chia đất của cha mẹ để lại nhưng sau đó ông H không đồng ý chia. Vì ông H cho rằng cụ Th đã lập di chúc ngày 29/01/2007 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Tiền Giang định đoạt toàn bộ thửa đất cho ông H. Chị em không thống nhất di chúc của cụ Th nên phát sinh tranh chấp.

Bà Nguyễn Kim X, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với tài sản của cụ Đ và cụ Th là căn nhà thờ và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10, diện tích 323m^2 ấp L1, xã L2, huyện C cụ thể như sau:

- Yêu cầu hủy một phần di chúc do cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 29/01/2007 tại Phòng Công chứng số 1 đối với phần di sản của cụ Nguyễn Văn Đ (chết năm 1987) trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Thị Th.

- Xác định tài sản căn nhà và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10, diện tích 323m^2 là di sản của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Th. Trong đó, di sản của cụ Đ là 1/2 diện tích đất 323m^2 và 1/2 căn nhà nhà thờ trên đất; di sản của cụ Th là 1/2 diện tích đất 323m^2 (đã lập di chúc) và 1/2 căn nhà nhà thờ trên đất.

- Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Đ thành 07 kỷ phần cho những người thừa kế theo pháp luật của cụ Đ gồm: cụ Nguyễn Thị Th, Bà Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị M, những người thừa kế thế vị của Nguyễn Văn Nh1 (Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thanh Nh), Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị B (do bà B không có chồng con, chết không có di chúc) chia cho 04 chị em gồm: Bà Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H hưởng) mỗi người 01 kỷ phần.

- Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Đ và cụ Th là căn nhà diện tích 151m^2 xây dựng trên thửa đất số 57 .

Các nguyên đơn yêu cầu được cùng với ông Nguyễn Thanh Nh nhận tài sản bằng hiện vật là căn nhà thờ và diện tích 151m^2 quyền sử dụng đất gắn liền với căn nhà nêu trên, giao cho anh Nguyễn Thanh Nh trực tiếp quản lý sử dụng để thờ ông bà tổ tiên. Phần diện tích còn lại giao cho ông Nguyễn Văn H quản lý. Các nguyên đơn và ông Nguyễn Thanh Nh hoàn trả giá trị tài sản đã nhận vượt kỷ phần thừa kế cho ông H.

Bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn H thống nhất về hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Đ, cụ Th và bà B như các nguyên đơn trình bày.

Về di sản thừa kế: ông xác định thửa 57, tờ bản đồ 10, diện tích 323m^2 đất thổ cư tại ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị Th. Tuy nhiên sau khi cha chết không có để lại di chúc thì ông và mẹ ông (cụ Th) cùng quản lý, sử dụng. Năm 2002, cụ Th có đăng ký kê khai và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Thị Th đứng tên quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu. Ngày 29/01/2007, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Th có lập di chúc định đoạt cho ông toàn bộ diện tích thửa đất nói trên, các thành viên trong hộ đều thống nhất, được công chứng hợp pháp tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Tiền Giang. Do vậy di chúc của cụ Nguyễn Thị Th là hoàn toàn hợp pháp. Hiện nhà và đất tranh chấp do ông đang quản lý sử dụng. Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy một phần di chúc của cụ Nguyễn Thị Th đối với phần di sản của cụ Nguyễn Văn Đ và chia thừa kế theo pháp luật, ông không đồng ý.

Ông H có đơn phản tố yêu cầu công nhận di chúc của cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 29/01/2007 được Phòng công chứng số 01 tỉnh Tiền Giang công chứng là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Trước đây tại phiên hòa giải ông H có yêu cầu các nguyên đơn và những người liên quan thuộc hàng thừa kế nếu được chia sản thừa kế thì phải trả lại cho ông chi phí sửa chữa nhà, chi phí chữa bệnh và mai táng phí cho cụ Th là 120.000.000đồng, bà B là 80.000.000 đồng. Nhưng ông H không nộp đơn phản tố, nay ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp, Tòa án xác định thửa 57, tờ bản đồ 10, diện tích 323m^2 đất thổ

cư tại ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị Th và chia thừa kế tài sản của cụ Đ theo pháp luật thì phải xem xét chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ Nguyễn Văn Đ làm 08 kỷ phần gồm: cụ Th, bà T, bà X, bà M, ông Nh1 (do các con ông nhận), bà B, ông H mỗi người một kỷ phần thừa kế và cho ông H 01 kỷ phần công sức gìn giữ, đóng góp và bảo quản di sản. Vì toàn bộ diện tích thửa đất từ khi cụ Đ chết cho đến nay do ông H là người trực tiếp gìn giữ, bảo quản, đóng góp xây dựng, sửa chửa nhà và sử dụng; phần bà B được chia, chia làm 4 phần cho bà T, bà X, bà M, ông H mỗi người một phần. Tuy nhiên trước khi cụ Th mất nguyện vọng của cụ cũng mong muốn giao lại toàn bộ diện tích đất và căn nhà trên đất cho ông H toàn quyền quản lý, sử dụng nên ông chỉ đồng ý chia cho bà Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị M, những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Nh1: Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thanh Nh giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền theo chứng thư thẩm định giá ngày 17/5/2022. Hơn nữa, phía trước thửa đất số 57 hiện nay còn diện tích 63,5m^2 do ông H quản lý sử dụng từ trước đến nay, diện tích đất này là hào lộ cụ Đ và cụ Th trước đây không có đăng ký kê khai, không nằm trong thửa đất số 57 và cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, nếu chia cho các nguyên đơn kỷ phần thừa kế bằng hiện vật sẽ gặp khó khăn trong quá trình sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh Nh và là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tr, Nguyễn Thị V trình bày:

Các ông, bà thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Yêu cầu chia 1 kỷ phần thừa kế của cụ Đ và cụ Th như các nguyên đơn đã trình bày. Ông Nguyễn Thanh Nh đồng ý nhận và quản lý toàn bộ tài sản thừa kế được chia; đồng ý hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H giá trị tài sản chênh lệch kỷ phần thừa kế.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Yến Ng1, Nguyễn Thị Thanh Th, Nguyễn Thị Đ trình bày:

Thống nhất toàn bộ lời trình bày và ý kiến của ông Nguyễn Văn H. Yêu cầu HĐXX xem xét chấp nhận ý kiến của ông H, giao cho ông H toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 57 và tài sản gắn liền với đất để theo ý nguyện của cụ Th.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 24, 25, 26 và Điều 35 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 675, 676, 677, 683, 684, 685 Bộ luật dân sự 2005; Điều 623 Bộ luận dân sự năm 2015; Áp dụng án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị M và một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Thanh Nh, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Tr.

1.1 Xác định tài sản căn nhà và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10, diện tích 323m^2 là di sản của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Th.

1.2 Huỷ một phần Di chúc của cụ Nguyễn Thị Th đối với phần định đoạt vượt thẩm quyền là phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Văn Đ là 139,4 m^2 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00351 QSĐ/3167QĐUB (H) 12/02 ngày 18/12/2002 do Uỷ ban nhân huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thị Th (sau khi trừ diện tích 19,9m^2 Cụ Th được thừa kế).

1.3 Chia thừa kế theo pháp luật tài sản của cụ Nguyễn Văn Đ là giá trị ½ thửa đất số 57 tờ bản đồ số 10 tương đương diện tích 159,3m^2 quyền sử dụng đất có giá trị 1.644.165.000 đồng và ½ căn nhà diện tích 151m^2 giá trị thành tiền là 62.106.000 đồng, tổng cộng là 1.706.271.000 đồng.

Chia thừa kế theo pháp luật tài sản của cụ Nguyễn Thị Th là ½ căn nhà diện tích 151m^2 giá trị thành tiền là 62.106.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị M và một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Thanh Nh, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Tr về việc chia hiện vật là toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất 151m^2 và toàn bộ căn nhà xây dựng gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00351 QSĐ/3167QĐUB (H) 12/02 ngày 18/12/2002 do Uỷ ban nhân huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thị Th cho nguyên đơn Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Thanh Nh, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Tr, giao cho ông Nguyễn Thanh Nh quản lý sử dụng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H.

Công nhận một phần Di chúc của cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 29/01/2007 cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng toàn bộ phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ Th là 179,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00351 QSĐ/3167QĐUB (H) 12/02 ngày 18/12/2002 do Uỷ ban nhân huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thị Th có hiệu lực pháp luật.

4. Giao cho ông Nguyễn Văn H được toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10, diện tích đo đạc thực tế 318,6m^2 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00351 QSĐ/3167QĐUB (H) 12/02 ngày 18/12/2002 do Uỷ ban nhân huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thị Th và sở hữu toàn bộ công trình, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất khi án có hiệu lực pháp luật. Vị trí, sơ đồ thửa đất cụ thể như sau:

- Đông giáp đất bà Văn Thị Ch;

- Tây giáp đất ông Lê Văn H, ông Lê Văn T;

- Nam giáp Trường Tiểu học L1;

- Bắc giáp phần đất hiện do ông Nguyễn Văn H quản lý sử dụng (chưa được đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ).

(có sơ đồ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 06/7/2022 kèm theo)

Ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký đất đai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với tài sản được chia theo quy định pháp luật.

5. Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả giá trị tài sản được chia cho các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền di sản thừa kế của cụ Đ 213.283.000 đồng; di sản cụ Th 10.351.000 đồng; thừa kế phần của bà B 55.908.000 đồng. Tổng cộng là 279.542.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật;

- Ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Nguyễn Kim X số tiền di sản thừa kế của cụ Đ 213.283.000 đồng; di sản cụ Th 10.351.000 đồng; thừa kế phần của bà B 55.908.000 đồng. Tổng cộng là 279.542.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật;

- Ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền di sản thừa kế của cụ Đ 213.283.000 đồng; di sản cụ Th 10.351.000 đồng; thừa kế phần của bà B 55.908.000 đồng. Tổng cộng là 279.542.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật;

- Ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Nguyễn Thanh Nh, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Tr số tiền 213.283.000 đồng di sản thừa kế cụ Đ và 10.351.000 đồng di sản thừa kế của cụ Th, tổng cộng là 223.634.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/3/2023, ông Đỗ Đặng Hồng T (người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị M) có đơn kháng cáo đề nghị phân chia cho nguyên đơn và ông Nguyễn Thanh Nh được nhận căn nhà thờ diện tích 151m^2 và quyền sử dụng đất gắn với căn nhà thờ.

Ngày 27/3/2023, ông Vi Văn Th (người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị M) và ông Nguyễn Thanh Nh cũng có đơn kháng cáo với nội dung nêu trên.

Ngày 30/3/2023, ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc của cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 20/01/2007 là hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền lợi của bà T, bà X, bà M, ông Nh cùng thống nhất trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét việc ông H thực tế không sinh sống tại căn nhà thờ, không cho những đồng thừa kế khác đến nhà thờ để thờ cúng; ông H không có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản nên việc áp dụng Án lệ số 05/2016/AL vào giải quyết trong vụ án là không phù hợp. Các đồng nguyên đơn và ông Nh đề nghị được phân chia bằng hiện vật diện tích đất 123,2m^2 và thanh toán cho ông H phần diện tích nhận dư so với kỷ phần thừa kế được nhận vì phần đất này thực tế ông H chỉ cho người khác thuê mà không trực tiếp sử dụng; việc phân chia phần đất này cho phía nguyên đơn không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông H.

Ông H và người đại diện theo ủy quyền cho rằng toàn bộ thửa đất tranh chấp cụ Nguyễn Thị Th đã để lại di chúc cho ông H. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận di chúc, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận thửa đất số 57, tờ bản đồ 10, diện tích 323m^2 (đo đạc thực tế 318,6m^2) đất thổ cư tại ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang và căn nhà diện tích 151m^2 xây dựng trên đất có nguồn gốc do cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Th tạo lập và quản lý sử dụng từ năm 1950 cho đến khi cụ Đ mất năm 1987. Sau khi cụ Đ mất, toàn bộ nhà và đất do cụ Th và ông H trực tiếp quản lý; năm 2002, cụ Th đăng ký kê khai và được Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00351 QSDĐ/3167 QĐUB (H) ngày 18/12/2002, đứng tên hộ Nguyễn Thị Th. Ngày 29/01/2007, cụ Nguyễn Thị Th lập di chúc định đoạt toàn bộ quyền sử dụng thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn H. Đồng thời, các đương sự cũng thống nhất về hàng thừa kế của cụ Đ, cụ Th như bản án sơ thẩm đã nêu.

[2.2]. Xét thấy, nhà đất tại thửa số 57 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ Đ và cụ Th. Sau khi cụ Đ chết, các đồng thừa kế của cụ Đ chưa thỏa thuận về di sản cụ Đ để lại. Cụ Th lập di chúc để lại nhà đất tại thửa số 57 cho ông Nguyễn Văn H, bao gồm cả phần di sản cụ Đ để lại là không đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận một phần di chúc của cụ Th để lại cho ông H đối với ½ thửa đất số 57 tờ bản đồ số 10 tương đương 159,3m^2 và 01 kỷ phần thừa kế cụ Th được hưởng của cụ Đ 19,91m^2 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông H kháng cáo đề nghị công nhận toàn bộ di chúc do cụ Th lập đối với diện tích 323m^2 (đo đạc thực tế 318,6m^2) là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Về chia di sản do cụ Đ chết để lại, thấy rằng:

Di sản của cụ Nguyễn Văn Đ để lại là ½ thửa đất số 57 tờ bản đồ số 10 tương đương diện tích 159,3m^2; được chia làm 08 kỷ phần (07 phần cho 07 đối tượng thuộc hàng thừa kế thứ nhất và 01 phần công sức quản lý, tôn tạo di sản), mỗi kỷ phần tương đương 19,91m^2.

Nhà đất thửa 57 có tổng diện tích 318,6m^2; trong đó ông H được hưởng 02 kỷ phần thừa kế tương đương diện tích 39,82m^2 và toàn bộ phần di sản cụ Th để lại tại nhà đất này tương đương diện tích 179,21; tổng cộng 219,03m^2.

Xét thấy, do ông H được nhận phần thừa kế với diện tích lớn 219,03m^2/318,6m^2; thực tế từ khi cụ Đ mất thì toàn bộ nhà đất do cụ Th và ông H quản lý, sử dụng, gìn giữ, đăng ký kê khai và thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất, nộp thuế theo quy định pháp luật; đã xây dựng nhà bán kiên cố, nhà để xe và một số công trình khác trên thửa đất số 57. Các đồng thừa kế khác như bà T, bà X, bà B, bà M, ông Nh đều có nơi cư trú khác, không có nhu cầu cấp thiết về chỗ ở. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông H toàn bộ thửa đất số 57, buộc ông H thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại giá trị phần thừa kế được hưởng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T, bà X, bà M, ông Nh cho rằng thực tế ông H không sử dụng đất, không có quá trình quản lý, tôn tạo, giữ gìn di sản là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, các ông bà kháng cáo

đề nghị phân chia các ông bà được nhận phần diện tích 123,2m^2, hoàn giá trị phần diện tích được nhận dư cho ông H là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; cần bác kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Kim X, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 24, 25, 26 và Điều 35 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 675, 676, 677, 683, 684, 685 Bộ luật dân sự 2005; Điều 623 Bộ luận dân sự năm 2015; Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị M và một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Thanh Nh, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Tr.

1.1 Xác định tài sản căn nhà và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10, diện tích 323m^2 là di sản của cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Th.

1.2 Huỷ một phần Di chúc của cụ Nguyễn Thị Th đối với phần định đoạt vượt thẩm quyền là phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Văn Đ là 139,4 m^2 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00351 QSĐ/3167QĐUB (H) 12/02 ngày 18/12/2002 do Uỷ ban nhân huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thị Th (sau khi trừ diện tích 19,9m^2 Cụ Th được thừa kế).

1.3 Chia thừa kế theo pháp luật tài sản của cụ Nguyễn Văn Đ là giá trị ½ thửa đất số 57 tờ bản đồ số 10 tương đương diện tích 159,3m^2 quyền sử dụng đất

có giá trị 1.644.165.000 đồng và ½ căn nhà diện tích 151m^2 giá trị thành tiền là 62.106.000 đồng, tổng cộng là 1.706.271.000 đồng.

Chia thừa kế theo pháp luật tài sản của cụ Nguyễn Thị Th là ½ căn nhà diện tích 151m^2 giá trị thành tiền là 62.106.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị M và một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Thanh Nh, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Tr về việc chia hiện vật là toàn bộ diện tích quyền sử dụng đất 151m^2 và toàn bộ căn nhà xây dựng gắn liền với đất thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00351 QSĐ/3167QĐUB (H) 12/02 ngày 18/12/2002 do Uỷ ban nhân huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thị Th cho nguyên đơn Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Thanh Nh, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Tr, giao cho ông Nguyễn Thanh Nh quản lý sử dụng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H.

Công nhận một phần Di chúc của cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 29/01/2007 cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng toàn bộ phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ Th là 179,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00351 QSĐ/3167QĐUB (H) 12/02 ngày 18/12/2002 do Uỷ ban nhân huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thị Th có hiệu lực pháp luật.

4. Giao cho ông Nguyễn Văn H được toàn quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10, diện tích đo đạc thực tế 318,6m^2 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00351 QSĐ/3167QĐUB (H) 12/02 ngày 18/12/2002 do Uỷ ban nhân huyện C cấp cho hộ Nguyễn Thị Th và sở hữu toàn bộ công trình, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất khi án có hiệu lực pháp luật. Vị trí, sơ đồ thửa đất cụ thể như sau:

- Đông giáp đất bà Văn Thị Ch;

- Tây giáp đất ông Lê Văn H, ông Lê Văn T;

- Nam giáp Trường Tiểu học L1;

- Bắc giáp phần đất hiện do ông Nguyễn Văn H quản lý sử dụng (chưa được đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ).

(có sơ đồ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 06/7/2022 kèm theo)

Ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký đất đai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với tài sản được chia theo quy định pháp luật.

5. Buộc ông Nguyễn Văn H phải trả giá trị tài sản được chia cho các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền di sản thừa kế của cụ Đ 213.283.000 đồng; di sản cụ Th 10.351.000 đồng; thừa kế phần của bà B 55.908.000 đồng. Tổng cộng là 279.542.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật;

- Ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Nguyễn Kim X số tiền di sản thừa kế của cụ Đ 213.283.000 đồng; di sản cụ Th 10.351.000 đồng; thừa kế phần của bà B 55.908.000 đồng. Tổng cộng là 279.542.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật;

- Ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền di sản thừa kế của cụ Đ 213.283.000 đồng; di sản cụ Th 10.351.000 đồng; thừa kế phần của bà B 55.908.000 đồng. Tổng cộng là 279.542.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật;

- Ông Nguyễn Văn H phải trả cho ông Nguyễn Thanh Nh, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Tr số tiền 213.283.000 đồng di sản thừa kế cụ Đ và 10.351.000 đồng di sản thừa kế của cụ Th, tổng cộng là 223.634.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật;

6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

7. Án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng được thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm.

8. Ông Nguyễn Thanh Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000497 ngày 03/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang vào phần án phí phải chịu. Các ông bà Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- ĐS (17);
- Lưu VP(3), HS(2).27b.TTPT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng